

ÔN TẬP VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM _____

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Củng cố, hệ thống hoá các kiến thức về văn học dân gian Việt Nam đã học : kiến thức chung, kiến thức về thể loại và kiến thức về tác phẩm (hoặc đoạn trích).

– Biết vận dụng đặc trưng các thể loại của văn học dân gian để phân tích các tác phẩm cụ thể.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là bài ôn tập về văn học dân gian Việt Nam sau khi HS đã được học 13 tiết của bộ phận văn học này (2 tiết khái quát và 11 tiết về các thể loại, các tác phẩm, đoạn trích tiêu biểu). Bài học nhằm đạt được cả hai yêu cầu *ôn tập* kiến thức và *vận dụng* kiến thức như sau :

a) Phần ôn tập gồm 4 câu hỏi : 1 câu về các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian ; 1 câu về các thể loại ; 1 câu tổng hợp, so sánh các truyện dân gian ; 1 câu về ca dao.

b) Phần vận dụng gồm 6 bài tập ở nhiều dạng khác nhau nhằm củng cố các kiến thức đã học về thể loại và tác phẩm đồng thời rèn luyện kĩ năng phân tích, thực hành văn học dân gian.

Cuối cùng là phần gợi ý về các hình thức hoạt động ngoài giờ học để HS thực hành ngoại khoá.

Do đặc điểm trên, GV không giảng lại những bài đã học mà chỉ hướng dẫn HS *ôn tập* theo từng câu hỏi và bài tập trong SGK.

2. Trọng tâm bài học

– Câu 3 (phần *Nội dung ôn tập*) và câu 5 (phần *Bài tập vận dụng*).

– Có thể phân chia thời gian như sau :

+ Tiết 1 : Thực hiện các câu hỏi ôn tập.

+ Tiết 2 : Thực hiện các bài tập vận dụng.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Phương pháp chung dạy bài ôn tập này là : GV nêu từng câu hỏi (bài tập) với một số gợi ý vắn tắt ; HS trả lời, trao đổi, thảo luận (hoặc thực hành). GV cho HS nhận xét, bổ sung, cuối cùng GV chốt lại những kiến thức cơ bản cần ôn tập một cách cô đọng.

Muốn vậy, cần tổ chức hoạt động song phương giữa thầy và trò với nhiều hình thức dạy học linh hoạt như : phát vấn – đàm thoại, tổ chức thảo luận, làm bài tập ngắn trên bảng hoặc trên giấy,...

2. Tiến trình tổ chức dạy học

GV hướng dẫn HS ôn tập theo từng câu hỏi ôn tập và bài tập vận dụng trong SGK.

NỘI DUNG ÔN TẬP

(1) *Nêu rõ các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian*

Yêu cầu của câu hỏi này là củng cố lại những kiến thức đã học ở bài *Khái quát văn học dân gian Việt Nam*.

HS có thể phát biểu bằng nhiều cách theo nhận thức riêng của từng em, miễn là đúng với kiến thức cơ bản đã học. GV cho HS trao đổi kĩ về các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian để các em phân biệt được sự khác nhau giữa văn học dân gian và văn học viết. Cuối cùng, cần chốt lại những điểm cơ bản sau đây :

– Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

– Văn học dân gian có các đặc trưng cơ bản sau đây :

- + Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng ;
- + Được sáng tạo tập thể ;

Những đặc trưng đó làm nên *tính truyền miệng, tính tập thể* của văn học dân gian và phân biệt nó với văn học viết.

Mặt khác, tính truyền miệng và tính tập thể góp phần thể hiện *sự gắn bó mật thiết của văn học dân gian với các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng*. Nhờ lưu truyền trong môi trường truyền miệng của tập thể nhân dân mọi thời, mọi vùng nên văn học dân gian có điều kiện *phục vụ kịp thời và đắc lực nhất cho các sinh hoạt khác nhau của nhân dân*.

(2) *Chỉ ra những đặc trưng chủ yếu nhất của các thể loại văn học dân gian.*

Yêu cầu của câu hỏi này là củng cố lại kiến thức về các thể loại văn học dân gian.

GV cho HS làm bài tập ngắn trên giấy về đặc trưng của các thể loại (mỗi tổ làm một thể loại). Các tổ trình bày, cả lớp bổ sung, GV chốt lại đặc trưng của từng thể loại : sử thi anh hùng, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, ca dao, truyện thơ (các đặc trưng này có thể tóm tắt trong phần *Tiểu dẫn* viết về các thể loại đó).

GV hướng dẫn HS ghi vào bảng tổng hợp các thể loại (trên bảng) như sau :

Truyện dân gian	Câu nói dân gian	Thơ ca dân gian	Sân khấu dân gian
Thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ	- Tục ngữ - Câu đố	- Ca dao - Vè	- Chèo - Tuồng dân gian

(3) *Lập bảng tổng hợp, so sánh các thể loại truyện dân gian đã học*

GV tổ chức cho HS xây dựng bảng tổng hợp trên bảng (kẻ sẵn khung), mỗi tổ trình bày một thể loại, ghi nội dung vào các cột ; sau đó cho cả lớp trao đổi, bổ sung và chốt lại bằng bảng dưới đây :

Thể loại	Mục đích sáng tác	Hình thức lưu truyền	Nội dung phản ánh	Kiểu nhân vật chính	Đặc điểm nghệ thuật
Sử thi (anh hùng)	Ghi lại cuộc sống và ước mơ phát triển cộng đồng của người dân Tây Nguyên xưa	Hát – kể	Xã hội Tây Nguyên cổ đại đang ở thời công xã thị tộc	Người anh hùng sử thi cao đẹp, kì vĩ (Đăm Săn)	Sử dụng biện pháp so sánh, phóng đại, trùng điệp tạo nên những hình tượng hoành tráng, hào hùng.
Truyện thuyết	Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử	Kể – diễn xướng (lễ hội)	Kể về các sự kiện lịch sử và các nhân vật lịch sử có thật nhưng đã được khúc xạ qua một cốt truyện hư cấu	Nhân vật lịch sử được truyền thuyết hoá (An Dương Vương, Mị Châu, Trọng Thủy)	Từ "cái lõi là sự thật lịch sử" đã được hư cấu thành câu chuyện mang những yếu tố hoang đường, kì ảo
Truyện cổ tích	Thể hiện nguyện vọng, ước mơ của nhân dân trong xã hội có giai cấp : chính nghĩa thắng gian tà	Kể	Xung đột xã hội, cuộc đấu tranh giữa thiện và ác, chính nghĩa và gian tà	Người con riêng (Tấm), người con út, người lao động nghèo khổ bất hạnh, người lao động tài giỏi,...	Truyện hoàn toàn hư cấu, không có thật. Kết cấu theo đường thẳng, nhân vật chính trải qua ba chặng trong cuộc đời
Truyện cười	Mua vui, giải trí ; châm biếm, phê phán xã hội (giáo dục trong nội bộ nhân dân và lên án, tố cáo giai cấp thống trị)	Kể	Những điều trái tự nhiên, những thói hư tật xấu đáng cười trong xã hội	Kiểu nhân vật có thói hư tật xấu (anh học trò giầu dốt, thầy lí tham tiền,...)	Truyện ngắn gọn, tạo tình huống bất ngờ, mâu thuẫn phát triển nhanh, kết thúc đột ngột để gây cười.

(4) Về nội dung và nghệ thuật của ca dao

Yêu cầu của câu hỏi là củng cố lại kiến thức về ca dao về cả hai mặt nội dung và nghệ thuật.

GV cho HS trả lời lần lượt câu (a) (nội dung ca dao), câu (b) (nghệ thuật ca dao), HS trao đổi, bổ sung, cuối cùng GV chốt lại những điểm cơ bản sau đây :

a) Về nội dung, có ca dao than thân, ca dao yêu thương tình nghĩa và ca dao hài hước :

– Ca dao than thân thường là lời của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Thân phận của họ bị phụ thuộc vào những người khác trong xã hội, giá trị của họ không được ai biết đến. Thân phận ấy thường được nói lên bằng những hình ảnh so sánh như *tấm lụa đào...*, *củ ấu gai...*

– Ca dao yêu thương tình nghĩa đề cập đến những tình cảm, phẩm chất của người lao động như tình bạn cao đẹp, tình yêu tha thiết mặn nồng với nỗi thương nhớ da diết và ước muốn mãnh liệt, tình nghĩa thủy chung của con người trong cuộc sống,... thường được nói lên bằng những biểu tượng như *tấm khăn*, *ngọn đèn*, *cái cầu*, *con thuyền*, *bến nước*, *gừng cay – muối mặn*,...

– Ca dao hài hước nói lên tâm hồn lạc quan yêu đời của người lao động trong cuộc sống còn nhiều vất vả lo toan của họ.

b) Về nghệ thuật, ca dao sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật mang tính truyền thống của sáng tác dân gian rất phong phú và sáng tạo ít thấy trong thơ của văn học viết.

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Tiến trình và phương pháp dạy học phần này cũng giống như phần *Nội dung ôn tập*.

Các bài tập vận dụng ở đây nhằm hai yêu cầu : vừa củng cố sâu thêm kiến thức về văn học dân gian, vừa rèn luyện thêm về kĩ năng, phương pháp phân tích văn bản văn học dân gian.

Dưới đây là một số gợi ý về cách giải các bài tập.

Bài tập 1

– GV cho HS tìm ba đoạn văn :

+ Đoạn 1 : "Đăm Săn rung khiên múa... trúng một cái chèo cột trâu".

+ Đoạn 2 : "Thế là Đăm Săn lại múa... cũng không thủng".

+ Đoạn 3 : "Vì vậy, danh vang đến thần... từ trong bụng mẹ".

– Hướng dẫn HS tìm nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng sử thi : đó là các thủ pháp *so sánh*, *phóng đại*, *trùng điệp* được dùng nhiều và rất sáng tạo với trí tưởng tượng hết sức phong phú của tác giả dân gian.

– Hiệu quả nghệ thuật : tôn cao vẻ đẹp của người anh hùng sử thi, một vẻ đẹp kì vĩ trong một khung cảnh hoành tráng.

Bài tập 2

Tấn bi kịch của Mị Châu – Trọng Thủy

Cái lỗi sự thật lịch sử	Bi kịch được hư cấu	Những chi tiết hoang đường, kì ảo	Kết cục của bi kịch	Bài học rút ra
Cuộc xung đột An Dương Vương – Triệu Đà thời kì Âu Lạc ở nước ta	Bi kịch tình yêu (lồng vào bi kịch gia đình, quốc gia)	– Thần Kim Quy ; lấy nó thần ; ngọc trai – giếng nước ; Rùa Vàng rẽ nước dẫn An Dương Vương xuống biển	Mất tất cả : – Tình yêu – Gia đình – Đất nước	Cảnh giác để giữ nước, không chủ quan như An Dương Vương, không nhẹ dạ, cả tin như Mị Châu

Bài tập 3

Hướng dẫn HS phân tích và chứng minh đặc sắc nghệ thuật của truyện *Tấm Cám* thể hiện ở sự chuyển biến của hình tượng nhân vật Tấm :

– Giai đoạn đầu : yếu đuối, thụ động ; gặp khó khăn, Tấm chỉ khóc, không biết làm gì, chỉ nhờ vào sự giúp đỡ của Bụt (dẫn chứng).

– Giai đoạn sau : kiên quyết đấu tranh giành lại cuộc sống và hạnh phúc ; không còn có sự giúp đỡ của Bụt, Tấm đã hoá kiếp nhiều lần để sống và cuối cùng trở về với kiếp người để giành lại hạnh phúc cho mình (dẫn chứng).

– Có thể lí giải sự tiến triển hành động của Tấm như sau : ban đầu chưa ý thức rõ về thân phận của mình, mâu thuẫn chưa căng thẳng, lại được Bụt giúp đỡ nên Tấm còn ít nhiều thụ động ; nhưng càng về sau mâu thuẫn càng quyết liệt đến mức một mất một còn buộc Tấm phải kiên quyết đấu tranh để giành lại cuộc sống và hạnh phúc cho mình. Đó chính là sức sống, sức trở dậy mãnh liệt của con người khi bị vùi dập, là sức mạnh của thiện thắng ác, là cuộc đấu tranh đến cùng cho cái thiện. Hành động của Tấm có sự tiến triển hợp lí đã làm cho câu chuyện thêm hấp dẫn và tạo được sự đồng cảm, yêu mến trong nhân dân ta từ xưa đến nay.

Bài tập 4

Ôn tập về hai truyện cười đã học

Tên truyện	Đối tượng cười (Cười ai ?)	Nội dung cười (Cười cái gì ?)	Tình huống gây cười	Cao trào để tiếng cười "oà" ra
<i>Tam đại con gà</i>	Thầy đồ "đốt hay nói chữ"	Sự giấu đốt của con người	Luống cuống khi không biết chữ kê	Khi thầy đồ nói câu : "Đủ dĩ là chị con công..."
<i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i>	Thầy lí và Cái	Tấn bi hài kịch của việc hối lộ và ăn hối lộ	Đã đút lót tiền hối lộ mà vẫn bị đánh (Cái)	Khi thầy lí nói : "(...) nhưng nó lại phải... bằng hai mày !"

Bài tập 5

a) Điền tiếp từ vào các câu ca dao :

- Thân em như hạt mưa rào
Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.
- Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu.
- Thân em như cái quả xoài trên cây
Gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc
Nó đánh lúc la lúc lác trên cành.
- Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.
- Chiều chiều mây phủ Sơn Trà
Lòng ta thương bạn nước mắt và lộn com.
- Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người yếm trắng dải điều thất lung.

Mô thức mở đầu các bài ca dao được lặp lại có tác dụng nhấn mạnh để tăng thêm màu sắc gợi cảm cho người nghe (đọc).

b) Thống kê các hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong các bài ca dao đã học : *tấm lụa đào...*, *củ ấu gai...* ; *tấm khăn, ngọn đèn...* ; *trăng, sao, mặt trời...*

- Người bình dân thường lấy các hình ảnh đó trong cuộc sống đời thường, trong thiên nhiên, vũ trụ nâng lên thành hình ảnh ẩn dụ nên dễ cảm nhận, đem đến hiệu quả nghệ thuật cao đối với người nghe (đọc).

c) Ca dao nói về :

- Chiếc khăn, chiếc áo ; nỗi nhớ của những đôi lứa đang yêu : xem phần *Gợi ý giải bài tập* ở bài *Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa*.

- Cây đa, bến nước, con thuyền :

- + Thuyền ơi có nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.
- + Cây đa cũ, bến đò xưa
Bộ hành có nghĩa, nắng mưa cũng chờ.
- + Trăm năm đành lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa.

- Gừng cay - muối mặn :

- Tay nâng chén muối, đĩa gừng
Gừng cay, muối mặn xin đừng quên nhau.

d) Ca dao hài hước mang lại tiếng cười giải trí, mua vui cho con người trong cuộc sống :

- + Xắn quần bắt kiến cuời chơi
Trèo cây rau má đánh rơi mất quần.

- + *Ngồi buồn đốt một đống rơm,
Khói bay nghi ngút chẳng thơm chút nào.
Khói lên đến tận Thiên Tào,
Ngọc Hoàng phán hỏi : Thằng nào đốt rơm ?*

Bài tập 6

Một số câu thơ, bài thơ của các nhà thơ trung đại và hiện đại có ảnh hưởng qua lại với ca dao :

– *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có câu : *Thiếp như hoa đã lìa cành, – Chàng như con bướm lượn vành mà chơi*, ca dao : *Ai làm cho bướm lìa hoa, – Con chim xanh nở bay qua vườn hồng* ; câu : *Sầu đông càng lác càng đầy*, – *Ba thu dọn lại một ngày dài ghê*, ca dao : *Ai đi muôn dặm non sông, – Để ai chứa chất sầu đông voi đầy*.

– Cảm hứng "Thân em như" trong ca dao cũng là cảm hứng của Hồ Xuân Hương về thân phận người phụ nữ trong nhiều bài thơ như bài *Bánh trôi nước*,...

– Hai câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm trong bài *Đất Nước* : *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn, – Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc* lấy ý từ hai truyện dân gian *Sự tích trầu, cau, vó* và *Thánh Gióng*. Còn câu thơ : *Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm* đã vận dụng một cách sáng tạo bài ca dao *Khăn thương nhớ ai* vào câu thơ hiện đại của mình.

– Riêng truyện *Thánh Gióng* có nhiều vận dụng sáng tạo của các nhà thơ hiện đại :

- + *Ôi sức trẻ ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bóng dậy nghìn cân
Cuỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa
Nhớ bụi tre làng, đuổi giặc Ân !*

(Tố Hữu, *Theo chân Bác*)

- + *Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt
Mỗi con sông đều muốn hoá Bạch Đằng.*

(Chế Lan Viên, *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?*)

Cần đặc biệt lưu ý : khi sử dụng chất liệu khai thác từ văn học dân gian, các nhà thơ, nhà văn đồng thời kế thừa cách cảm nghĩ của dân gian về thiên nhiên, con người và xã hội.

IV – THIẾT BỊ DẠY HỌC

Có thể kẻ trước một số bảng mẫu để dùng trong giờ ôn tập.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu tham khảo của các bài học về văn học dân gian đã học.